

Số: **1089**/QĐ-UBND

Bình Định, ngày **05** tháng 4 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đề cương Đề án ổn định sản xuất,
đời sống và phát triển kinh tế - xã hội các thôn, làng có đồng bào dân tộc
thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2016 – 2020

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 449/QĐ-TTg ngày 12/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 2356/QĐ-TTg ngày 04/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 3593/QĐ-UBND ngày 29/10/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Kế hoạch triển khai Chiến lược và Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Xét đề nghị của Ban Dân tộc tỉnh tại Tờ trình số 105/TTr-BDT ngày 29/02/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Đề cương Đề án ổn định sản xuất, đời sống và phát triển kinh tế - xã hội các thôn, làng dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2016 – 2020; cụ thể như sau:

1. Tên Dự án: Đề án ổn định sản xuất, đời sống và phát triển kinh tế - xã hội các thôn, làng dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2016 – 2020.

2. Cơ quan chủ trì: Ban Dân tộc tỉnh.

3. Cơ quan phối hợp: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, các sở có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống.

4. Thời gian xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh: Năm 2016.

5. Thời gian triển khai Đề án: Từ năm 2016 đến năm 2020.

6. Đề cương Dự án: Có Đề cương cụ thể kèm theo.

7. Nguồn kinh phí: Kinh phí 81.000.000 đồng (*Tám mươi một triệu đồng*) thực hiện Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020 (theo Quyết định số 393/QĐ-

UBND) tại Quyết định số 4693/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 của UBND tỉnh về việc giao dự toán ngân sách địa phương năm 2016.


Điều 2. Trên cơ sở đề cương này, Trưởng ban Ban Dân tộc tỉnh khẩn trương thực hiện hoàn thành Đề án ổn định sản xuất, đời sống và phát triển kinh tế - xã hội các thôn, làng dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2016 – 2020; đồng thời phối hợp với Sở Tài chính rà soát dự toán kinh phí thực hiện, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Trưởng Ban Dân tộc tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Y tế, Lao động - Thương binh và Xã hội, Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch UBND các huyện: An Lão, Vân Canh, Vĩnh Thạnh, Tây Sơn, Hoài Ân, Phù Cát và Thủ trưởng các sở, ban ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./. *2a*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CTUBND tỉnh;
- PVPNN;
- Lưu: VT, KH *2*

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Châu

Trần Châu

ĐỀ CƯƠNG

Đề án ổn định sản xuất, đời sống và phát triển kinh tế - xã hội
các thôn, làng dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Bình Định
giai đoạn 2015 – 2020



Kèm theo Quyết định số: ~~1089~~ /QĐ-UBND ngày 05/ 4 /2016
của Chủ tịch UBND tỉnh)

PHẦN MỞ ĐẦU

SỰ CẦN THIẾT VÀ CÁC CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

PHẦN THỨ NHẤT

HIỆN TRẠNG TÌNH HÌNH DÂN CƯ – VÙNG SẢN XUẤT – CƠ SỞ HẠ TẦNG CÁC LÀNG, XÃ, HUYỆN VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ TỈNH BÌNH ĐỊNH

I. CÁC THÔN, LÀNG ĐÁNH GIÁ:

118 thôn, làng

1. Huyện Vân Canh: 28 làng

1.1. Xã Canh Liên: 8 làng

1.2. Xã Canh Hòa: 3 làng

1.3. Xã Canh Hiệp: 4 làng

1.4. Xã Canh Thuận: 7 làng

1.5. Thị trấn Vân Canh: 6 làng

2. Huyện Vĩnh Thạnh: 29 làng

2.1. Xã Vĩnh Sơn: 4 làng

2.2. Xã Vĩnh Kim: 6 làng

2.3. Xã Vĩnh Thuận: 8 làng

2.4. Xã Vĩnh Hiệp: 3 làng

2.5. Xã Vĩnh Hòa: 3 làng

2.6. Xã Vĩnh Thịnh: 2 làng

2.7. Xã Vĩnh Hảo: 1 làng

2.8. Thị trấn Vĩnh Thạnh: 2 làng

3. Huyện An Lão: 41 thôn

3.1. Xã An Toàn:	3 thôn
3.2. Xã An Nghĩa:	5 thôn
3.3. Xã An Hưng:	5 thôn
3.4. Xã An Quang:	5 thôn
3.5. Xã An Dũng:	4 thôn
3.6. Xã An Vinh:	7 thôn
3.7. Xã An Trung:	7 thôn
3.8. Xã An Tân:	1 thôn
3.9. Thị trấn An Lão:	4 thôn
4. Huyện Hoài Ân:	11 thôn
4.1. Xã Bók Tới:	5 thôn
4.2. Xã Đák Mang:	4 thôn
4.3. Xã Ân Sơn:	2 thôn
5. Huyện Tây Sơn:	7 làng
5.1. Xã Vĩnh An:	5 làng
5.2. Xã Bình Tân:	1 làng
5.3. Xã Tây Xuân:	1 làng
6. Huyện Phù Cát:	2 làng
6.1. Xã Cát Lâm:	1 làng
6.2. Xã Cát Sơn:	1 làng

II. NỘI DUNG KHẢO SÁT

Dựa theo mục tiêu tại Quyết định số 3593/QĐ-UBND ngày 29/10/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Kế hoạch triển khai Chiến lược và Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Bình Định và Bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới cần khảo sát các thôn, làng theo các tiêu chí sau:

Tiêu chí 1: Quy hoạch và thực hiện quy hoạch

1.1. Quy hoạch sử dụng đất và hạ tầng thiết yếu cho phát triển sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

1.2. Quy hoạch phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có theo hướng văn minh, bảo tồn được bản sắc văn hóa tốt đẹp.

Tiêu chí 2: Giao thông

2.1. Tỷ lệ km đường trục thôn, làng được cứng hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật Bộ GTVT.

2.2. Tỷ lệ km đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa.

2.3. Tỷ lệ km đường trục chính nội đồng được cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận tiện.

Tiêu chí 3: Thủy lợi

3.1. Hệ thống thủy lợi cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất và dân sinh.

3.2. Tỷ lệ km kênh mương do xã quản lý được kiên cố.

Tiêu chí 4: Điện

4.1. Hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện (điện lưới, điện diesel, điện mặt trời ...).

4.2. Tỷ lệ hộ dùng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn.

Tiêu chí 5: Trường học

Trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học có cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia.

Tiêu chí 6: Cơ sở vật chất văn hóa

Thôn, làng có nhà rong hoặc nhà văn hóa và khu thể thao đạt quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Tiêu chí 7: Chợ nông thôn

Chợ đạt chuẩn của Bộ Xây dựng.

Tiêu chí 8: Bưu điện

8.1. Có phủ sóng điện thoại di động.

8.2. Có internet đến thôn, làng.

Tiêu chí 9: Nhà ở dân cư

9.1. Số nhà tạm, dột nát; tỷ lệ.

9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn của Bộ Xây dựng.

Tiêu chí 10: Thu nhập

Thu nhập bình quân đầu người/năm so với mức bình quân chung của tỉnh.

Tiêu chí 11: Dân số (khẩu, nhân khẩu) hộ nghèo, cận nghèo đa chiều cuối năm 2015.

11.1. Dân số (khẩu, nhân khẩu).

11.2. Tỷ lệ hộ nghèo.

11.3. Tỷ lệ hộ cận nghèo.

Tiêu chí 12: Tỷ lệ lao động trong độ tuổi làm việc trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp.

Tiêu chí 13: Hình thức tổ chức sản xuất có tổ hợp tác thuộc hợp tác xã hoặc tổ quần công, đôi công hoạt động có hiệu quả.

Tiêu chí 14: Giáo dục

14.1 Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi đến trường;

14.2 Tỷ lệ học sinh bỏ học giữa chừng;

14.3 Phổ biến giáo dục trung học;

14.4 Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề)

1.4.3. Số học sinh tốt nghiệp các trường: dạy nghề, trung cấp, cao đẳng, đại học ra trường từ năm 2011 – 2015; số đã có việc làm, số chưa bố trí việc làm.

Tiêu chí 15: Y tế

15.1. Tỷ lệ người dân tham gia các hình thức bảo hiểm y tế.

15.2. Nhân viên y tế thôn, làng (Y tá, y sỹ, điều dưỡng, ...)

Tiêu chí 16: Văn hóa

Thôn, làng đạt tiêu chuẩn làng văn hóa theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Tiêu chí 17: Môi trường

17.1. Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch hợp vệ sinh theo tiêu chuẩn Quốc gia.

17.2. Nghĩa trang được xây dựng theo quy hoạch.

17.3. Tỷ lệ hộ có công trình vệ sinh (hố xí).

17.4. Tỷ lệ hộ chăn nuôi gia súc, gia cầm có chuồng trại.

Tiêu chí 18: Hệ thống tổ chức chính trị xã hội

18.1. Trình độ cán bộ thôn, làng.

18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở ở thôn, làng theo quy định.

Tiêu chí 19: An ninh, trật tự xã hội

- Số vụ tranh chấp đất đai trước năm 2015 chuyển sang chưa giải quyết.

- Tình hình khiếu kiện, tự tử, ...

III. KẾT LUẬN CHUNG

1. Tổng số hộ, nhân khẩu, hộ nghèo, cận nghèo.

2. Đánh giá chung tình hình sản xuất, đời sống và phát triển kinh tế - xã hội các thôn, làng dân tộc thiểu số theo 19 tiêu chí về xây dựng nông thôn mới đã khảo sát.

2.1. Những mặt được;

2.2. Những khó khăn và tồn tại.

PHẦN THỨ HAI

MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG CỦA ĐỀ ÁN

I. MỤC TIÊU

II. NỘI DUNG CỦA ĐỀ ÁN

1. Công tác ổn định định canh, định cư;
2. Phát triển sản xuất và ổn định đời sống;
3. Phát triển y tế, văn hóa, giáo dục;
4. Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng;
5. Ổn định an ninh, trật tự xã hội.

PHẦN THỨ BA

CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU VÀ CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH

1. Giải pháp và cơ chế, chính sách về vốn.
2. Giải pháp và cơ chế, chính sách phát triển nguồn nhân lực.
3. Giải pháp và cơ chế, chính sách về giải quyết đất sản xuất.
4. Giải pháp và công tác quy hoạch.

PHẦN THỨ TƯ

PHÂN KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

